

GIẢM CHI PHÍ TRUNG GIAN LÀ BIỆN PHÁP QUAN TRỌNG ĐỂ THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG

GS.TS. Phạm Ngọc Kiểm

Trong những năm qua tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm (VA) chậm hơn tốc độ tăng trưởng của giá trị sản xuất (GO). Sự tăng trưởng như vậy của nền kinh tế quốc dân phần nào nói lên hiệu quả sản xuất của xã hội bị suy giảm đồng thời cũng thể hiện một trong số rất nhiều yếu tố gây ra sự tăng trưởng kinh tế không bền vững. Trong bài báo này chúng tôi muốn nêu lên thực trạng của sự cách biệt và một số giải pháp cần thiết để giảm bởi sự cách biệt về nhịp độ tăng trưởng của 2 chỉ tiêu này trong công nghiệp Việt Nam, vì đây là lĩnh vực có tốc độ tăng trưởng nhanh và sử dụng nhiều nguồn tài nguyên không thể tái tạo được. Sự phát triển bền vững của ngành công nghiệp sẽ góp phần tích cực không chỉ vào sự phát triển bền vững của toàn bộ nền kinh tế quốc dân mà còn là cơ sở để phát triển bền vững của lĩnh vực xã hội và môi trường.

Khi nói đến tăng trưởng kinh tế, theo quan điểm của chúng tôi, chỉ đề cập tới sự tăng lên của phần giá trị mới sáng tạo VA

(xét cho đơn vị sản xuất kinh doanh hoặc trên giác độ ngành hoặc nhóm ngành kinh tế) hoặc GDP (xét trên giác độ toàn bộ nền kinh tế quốc dân). Nói cách khác, khi nói tăng trưởng kinh tế là nói giá trị tăng thêm đã tăng lên bao nhiêu phần trăm so với kỳ trước hoặc so với kế hoạch.

Giá trị tăng thêm được tính bằng công thức $VA = GO - IC$

Trong đó: GO là giá trị sản xuất và IC là chi phí trung gian

Giá trị tăng thêm phụ thuộc thuận vào GO và nghịch với IC. Do đó, giảm chi phí trung gian là một biện pháp cực kỳ quan trọng để nâng cao hiệu quả sản xuất của xã hội đồng thời đảm bảo cho sự tăng trưởng kinh tế.

Sản xuất công nghiệp của nước ta trong những năm qua diễn ra tình trạng có tính quy luật không theo mong muốn của các nhà quản lý.

Sự mong muốn	Thực tế diễn ra
Tốc độ tăng trưởng của GO > Tốc độ tăng trưởng của IC	Tốc độ tăng trưởng của GO < Tốc độ tăng trưởng của IC
Tốc độ tăng trưởng của GO < Tốc độ tăng trưởng của VA	Tốc độ tăng trưởng của GO > Tốc độ tăng trưởng của VA

Để minh chứng cho nhận định trên ta quan sát thông tin trong biểu 01.

BIỂU 01. TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG VÀ TỶ TRỌNG CỦA GO; VA; IC QUA CÁC NĂM
CỦA NGÀNH CÔNG KHAI THÁC MỎ

Năm	GO (tỷ đồng)	IC (tỷ đồng)	VA (tỷ đồng)	Tốc độ tăng trưởng so với năm trước			% VA trong GO	% IC trong GO
				GO	IC	VA		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
1995	13919,7	3574,7	10345				74,32	25,68
2000	27334,6	8904,6	18430	96,37	149,10	78,15	67,42	32,58
2001	29097,2	9912,2	19185	6,45	11,32	4,10	65,93	34,07
2002	30326,4	10930,4	19396	4,22	10,27	1,10	63,96	36,04
2003	33002,4	12483,4	20519	8,82	14,21	5,79	62,17	37,83

Nguồn: Niên giám thống kê 2003 (3)

(trong tất cả các biểu: cột 4, 5, 6 của năm 2000 là so với năm 1995; số liệu năm 2003 là số sơ bộ)

Tất cả các thông tin tính toán trong bài này đều tính theo giá so sánh 1994. Sở dĩ chúng tôi không sử dụng giá thực tế vì không có thông tin về GO công nghiệp tính theo giá thực tế năm 2003.

Ngành công nghiệp khai thác mỏ gồm khai thác than; dầu thô và khí tự nhiên; khai thác quặng kim loại; khai thác đá và các loại

mỏ khác. Đây là ngành có tỷ trọng IC thấp nhất và tương ứng với nó là tỷ trọng VA trong GO là cao nhất trong các ngành công nghiệp ở nước ta hiện nay. Chi phí trung gian của ngành này tăng lên quá nhanh (cột 5). Tốc độ tăng trưởng của IC lớn hơn tốc độ tăng trưởng của GO từ 1,5 lần năm 1995 lên gần 2,5 lần năm 2002.

BIỂU 02. SO SÁNH TỐC ĐỘ TĂNG CỦA GO VÀ IC NGÀNH CÔNG NGHIỆP KHAI THÁC

Đơn vị: %

Năm	Tốc độ tăng trưởng của GO	Tốc độ tăng trưởng của IC	So sánh tốc độ tăng của IC với GO
1995			
2000	96,37	149,10	154,72
2001	6,45	11,32	175,50
2002	4,22	10,27	243,36
2003	8,82	14,21	161,11

Nguồn: Niên giám thống kê 2003 (3)

Do đó, tỷ trọng chi phí trung gian chiếm trong GO từ 25,68 % năm 1995 đã tăng lên tới 37,83% vào năm 2003. Điều này đã dẫn

đến kết cục tất yếu là phần giá trị tăng thêm bị suy giảm từ 74,32% năm 1995 xuống còn 62,17% vào năm 2003.

Ngành công nghiệp chế biến hiện nay chiếm khoảng 81% về giá trị sản xuất và khoảng 70% giá trị tăng thêm trong toàn bộ lĩnh vực công nghiệp Việt Nam. Chính vì chiếm tỷ trọng lớn như vậy nên bất kỳ một sự thay đổi nào đó trong ngành này đều

ảnh hưởng rất nhiều tới sự biến động chung của toàn bộ khu vực công nghiệp. Nhìn chung, công nghiệp chế biến của Việt Nam nằm trong tình trạng lấy công làm lãi, mà tiền công ở đây cũng quá rẻ so với các nước.

BIỂU 03. TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG VÀ TỶ TRỌNG CỦA GO; VA; IC QUA CÁC NĂM CỦA NGÀNH CÔNG CHẾ BIẾN

Năm	GO (tỷ đồng)	IC (tỷ đồng)	VA (tỷ đồng)	Tốc độ tăng trưởng so với năm trước			% VA trong GO	% IC trong GO
				GO	IC	VA		
1995	83260,5	53029,5	30231				36,31	63,69
2000	158098	106606	51492	89,88	101,03	70,33	32,57	67,43
2001	183542	126207	57335	16,09	18,39	11,35	31,24	68,76
2002	213697	149714	63983	16,43	18,63	11,60	29,94	70,06
2003	250126	178814	71312	17,05	19,44	11,45	28,51	71,49

Nguồn: Niên giám thống kê 2003 (3)

Với công nghiệp chế biến thì tốc độ tăng của IC vẫn lớn hơn tốc độ tăng của GO. Bởi thế đã đưa đến tốc độ tăng của VA nhỏ hơn tốc độ tăng GO. Sự chênh lệch giữa tốc

độ tăng trưởng của GO và IC nhỏ hơn nhiều so với ngành công nghiệp khai thác.

Biên độ chênh lệch giữa 2 chỉ tiêu này của công nghiệp chế biến chỉ nằm trong khoảng 13 -14%.

BIỂU 04. SO SÁNH TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CỦA GO VÀ IC NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN

Năm	Tốc độ tăng trưởng của GO	Tốc độ tăng trưởng của IC	So sánh tốc độ tăng của IC với GO
1995			
2000	89,88	101,00	112,37
2001	16,09	18,39	114,29
2002	16,43	18,63	113,39
2003	17,05	19,44	114,02

Nguồn: Niên giám thống kê 2003 (3)

Từ tính toán trên cho thấy:

Một là, tốc độ tăng trưởng của phần giá trị mới sáng tạo (VA) tăng lên chậm hơn GO. Điều đó cũng có nghĩa là hiệu quả sản xuất của công nghiệp chế biến chưa được cải thiện, thậm chí còn suy giảm nhẹ.

Hai là, tỷ trọng phần giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp chế biến ở nước ta quá nhỏ trong GO. Qua đó thể hiện công nghiệp chế biến còn mang nặng tính chất gia công, làm thuê.

Đối với ngành công nghiệp sản xuất, phân phối điện nước, điện và khí đốt cũng diễn ra tương tự như 2 ngành công nghiệp trên: tốc độ tăng trưởng của GO chậm hơn tốc độ tăng trưởng của IC. Do đó, tỷ trọng của VA trong GO giảm từ 54,63% năm 1995 xuống còn 44,99% vào năm 2003 (dòng 5, biểu 05). Theo chúng tôi, sự suy giảm như vậy là quá nhanh, trung bình 1 năm giảm 1%.

BIỂU 05. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CỦA MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT, PHÂN PHỐI ĐIỆN, KHÍ ĐỐT VÀ NƯỚC CỦA VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM QUA

Đơn vị tính: %

Năm	1995	2000	2001	2002	2003
A	1	2	3	4	5
1. Tốc độ tăng trưởng GO		108,10	14,04	16,09	16,36
2. Tốc độ tăng trưởng IC		133,30	14,85	20,54	20,37
3. Tốc độ tăng trưởng VA		87,26	13,19	11,42	11,80
4. % IC trong GO	45,37	50,85	51,22	53,18	55,01
5. % VA trong GO	54,63	49,15	48,78	46,82	44,99

Nguồn: Niên giám thống kê 2003 (3)

Từ những phân tích trên cho thấy:

1. Chi phí trung gian tăng lên thường xuyên qua các năm diễn ra ở cả 3 ngành công nghiệp cấp 1. Đây là dấu hiệu của quá trình sản xuất kém hiệu quả.

2. Sự gia tăng của chi phí trung gian thể hiện sử dụng lãng phí vật tư sản xuất. Bởi vì phải chi ra ngày một nhiều hơn chi phí vật chất và dịch vụ để làm ra một đơn vị sản phẩm. Nếu tình trạng này cứ tái diễn sẽ phá vỡ tính bền vững của sản xuất. Như trên đã nêu tinh thần cơ bản của 5 mục tiêu phát triển bền vững về kinh tế là phải duy trì tăng

trưởng nhanh và ổn định trên cơ sở nâng cao không ngừng tính hiệu quả, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và cải thiện môi trường,...

3. Công nghiệp là lĩnh vực sử dụng nhiều tài nguyên không thể tái tạo được. Nếu sử dụng kém hiệu quả thì trong tương lai sẽ không còn nguyên liệu để phục vụ cho sản xuất. Vì thế tiết kiệm nguyên liệu không có khả năng tái tạo là điều vô cùng quan trọng để đảm bảo cho sự phát triển bền vững trong tương lai ■

Tài liệu tham khảo

1. Minh Anh: Phát triển bền vững cần có sự tham gia của cả cộng đồng; Đầu tư số 151- 2004

2. Phan Văn Khải: Đặc biệt quan tâm đến chất lượng tăng trưởng, đảm bảo cho nền kinh tế phát triển bền vững - Hà Nội mới 27- 12-2004

3. Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê. NXB Thống kê. Hà Nội, 2004

4. Thời báo kinh tế Việt Nam số 187;199; 212; 221; 223 năm 2004

5. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng cộng sản Việt Nam. NXB Chính trị quốc gia; Hà Nội, 2001